

VỐN TÍN DỤNG NGÂN HÀNG PHÁT TRIỂN NÔNG NGHIỆP NƯỚC TA TRONG GIAI ĐOẠN MỚI

NGUYỄN ĐỨC HOÀN



Ảnh Nguyễn Ngọc Đạo

Mở rộng đầu tư vốn tín dụng cho phát triển nông nghiệp và nông thôn nước ta trong giai đoạn mới được xác định vừa nhiệm vụ chính trị của ngành ngân hàng, vừa là chiến lược kinh doanh của các ngân hàng thương mại (MHTM) và tổ chức tín dụng (TCTD). Đây là lĩnh vực rất quan trọng của nền kinh tế - xã hội, là thị trường rộng lớn và phân tán được rủi ro đối với hoạt động tín dụng.

Mới đây nhất, ngày 28.8.2001, Ban cán sự Đảng Ngân hàng nhà nước (NHNN) đã có "chương trình hành động của ngành ngân hàng thực hiện Nghị quyết đại hội Đảng lần IX". Theo đó, mục tiêu dài hạn được xác định cho cả giai đoạn 2001 - 2010 tốc độ tăng dư nợ đối với nền kinh tế là 16 - 20%/năm; trong đó, giai đoạn 2001 - 2005, mức dư nợ cho vay nền kinh tế tăng bình quân 22%, đến năm 2005 dư nợ đạt khoảng 450.000 tỷ đồng, đạt trên 60% GDP; phần đầu tư tỷ lệ đầu tư tín dụng chiếm khoảng 25 - 30%. Mục tiêu của ngành ngân hàng cũng đã xác định, dư nợ cho vay khu vực nông nghiệp - nông thôn chiếm khoảng 40% tổng dư nợ đối với nền kinh tế.

Như vậy, mục tiêu về vốn tín dụng ngân hàng đầu tư cho phát triển nông nghiệp nông thôn giai đoạn mới đã được xác định là 180.000 tỷ đồng vào năm 2005 và vào khoảng 350.000 tỷ đồng vào năm 2010. Mục tiêu này là hoàn toàn có cơ sở khoa học, thực tiễn và khả thi, bởi vì:

Một là, theo tính toán thông lệ quốc tế, để có tốc độ tăng trưởng 1%, thì vốn đầu tư phải tăng 5% tương ứng, nếu mục tiêu phát triển sản

xuất nông nghiệp trong 10 năm tới bình quân là 4 - 5%/năm, thì vốn đầu tư nói chung và vốn tín dụng ngân hàng nói riêng tăng khoảng 20%/năm.

Hai là, thực tiễn trong 10 năm đổi mới vừa qua, 1990 - 2000, tốc độ tăng dư nợ cho vay của ngành ngân hàng đối với nông nghiệp - nông thôn bình quân tới 25 - 28%/năm, nên tốc độ trung bình trong giai đoạn tới 20%/năm là không có gì xa vời, ở thời điểm 30.6.2001, dư nợ của hệ thống ngân hàng đối với nông nghiệp - nông thôn như sau:

1. Ngân hàng Nhà nước và phát triển nông thôn VN: 48.000 tỷ đồng

2. Ngân hàng phục vụ người nghèo: 5.300 tỷ đồng

3. Ngân hàng Công thương VN: 3.000 tỷ đồng

4. Ngân hàng đầu tư và phát triển VN: 3.700 tỷ đồng

5. Ngân hàng ngoại thương VN: 1.900 tỷ đồng

6. Ngân hàng phát triển nhà Đồng bằng sông Cửu Long: 2.000 tỷ đồng

7. Hệ thống quỹ tín dụng nhân dân: 3.000 tỷ đồng

8. Ngân hàng thương mại cổ phần: 5.000 tỷ đồng

Tổng cộng: 71.900 tỷ đồng
+ Về cơ cấu các loại cho vay nông nghiệp và nông thôn:

1. Cho vay thông thường, chiếm tỷ trọng 66,8%

2. Cho vay lãi suất ưu đãi: 4,4%

3. Cho vay theo chính sách 28,8%

Ba là, nguồn vốn cho vay nông nghiệp và nông thôn của các ngân hàng luôn luôn dồi dào, sẵn sàng đáp ứng nhu cầu vay theo nguyên tắc tín dụng, vốn luôn có xu hướng thừa, cung lớn hơn cầu, vấn đề còn lại là sức hấp thụ vốn của nông nghiệp và nông thôn.

Bốn là, đã có môi trường cạnh tranh thực sự giữa các ngân hàng cho vay nông nghiệp và nông thôn; các quy định về đảm bảo tiền vay đã được nói lòng tới đa: hộ nông dân vay đến 10 triệu, hộ làm kinh tế trang trại vay đến 20 triệu đồng, hộ nuôi trồng thủy sản vay dưới 50 triệu đồng, không phải thế chấp tài sản.

Năm là, NHNN đã thực hiện cơ chế điều hành lãi suất cơ bản, các ngân hàng chủ động, linh hoạt đưa ra các mức lãi suất cho vay cụ thể đối với nông nghiệp và nông thôn, lãi suất cho vay đã giảm xuống mức thấp nhất từ trước đến nay.

Sáu là, để thực hiện mục tiêu và chương trình hành động của ngành ngân hàng đầu tư vốn tín dụng cho phát triển nông nghiệp và nông thôn, các giải pháp đã được đưa ra:

1. Củng cố, đổi mới NHNN VN.

2. Hoàn thiện cơ bản về xây dựng và thực thi chính sách tiền tệ.

3. Hiện đại hóa hệ thống thanh toán và hệ thống thông tin trong ngành ngân hàng.

4. Cơ cấu lại và nâng cao hiệu quả, chất lượng của hệ thống thanh tra, giám sát ngân hàng.

5. Xây dựng và hoàn thiện mô hình tổ chức bộ máy quản lý của NHNN.

6. Củng cố, lành mạnh hóa hệ thống các TCTD VN.

7. Hội nhập quốc tế về ngân hàng.

Như vậy, vấn đề tiếp theo là giải pháp đối với của người cho vay và đi vay, giải pháp đối với các ngân hàng và giải pháp phát triển thị trường tín dụng, thị trường tiêu thụ của sản xuất nông nghiệp và kinh tế nông thôn. Trước khi đi vào các giải pháp cụ thể, chúng tôi xin trao đổi một số quan điểm:

- Trong xu hướng phát triển nông nghiệp và nông thôn theo cơ chế kinh tế thị trường thì những sự bao cấp cho không vốn của nhà nước sẽ giảm dần, đi tới chấm dứt, còn lại là vốn tín dụng; có hai loại tín dụng: tín dụng ưu đãi hay tín dụng theo chính sách, tín dụng thông thường. Hai loại này cần được tách bạch riêng, do tổ chức riêng biệt để cho vay.

- Tín dụng, theo thông lệ quốc tế, đứng trên cả giác độ lý luận và thực tiễn, đã được ghi trong luật chuyên ngành của VN, đó là phải đảm bảo 3 nguyên tắc:

+ Có hoàn trả, đó là vốn cho vay chứ không phải cho không; phải được hoàn trả đúng hạn sau một khoảng thời gian vay; cho dù đó là người nghèo, chống tư tưởng ỷ lại.

+ Có mục đích, vốn cho vay phải dùng vào mục đích gì, phải sử dụng đúng mục đích, mục đích cụ thể, rõ ràng.

+ Có bảo đảm, vốn sử dụng có hiệu quả.

Các giải pháp cụ thể về vốn tín dụng ngân hàng cho phát triển nông nghiệp và nông thôn giai đoạn tới như sau:

1. Khẩn trương tách bạch tín dụng chính sách, tín dụng ưu đãi và tín dụng thương mại thông thường

Hiện nay có rất nhiều loại tín dụng chính sách, như: cho vay xóa đói giảm nghèo, giải quyết việc làm, cho sinh viên vay vốn học tập, phủ xanh đất trống đồi trọc... nhiều loại tín dụng ưu đãi; giảm 15 - 30% lãi suất cho vay vùng I và vùng III (vùng sâu, vùng xa, vùng núi cao, hải đảo, đồng bào Khơ Me...) khắc phục hậu quả bão lụt, hạn hán... do nhiều tổ chức thực hiện: kho bạc nhà nước, quỹ hỗ trợ đầu tư, nhiều TCTD... do đó, các loại tín dụng này cần tập trung vào một đầu mối,

đó là ngân hàng chính sách, tách bạch các loại tín dụng nói trên ra khỏi các NHTM, đưa vào ngân hàng chính sách. Hướng này phù hợp với thông lệ quốc tế, tránh chồng chéo, và phân tán nguồn vốn, làm giảm hiệu quả và dễ gây thất thoát. Chủ trương này đã được đề ra nhưng làm rất chậm, nên cần được triển khai khẩn trương hơn, bằng cách lấy ngân hàng phục vụ người nghèo làm nông cốt, thực hiện thí điểm tới cấp huyện ở những nơi mà hoạt động tín dụng chính sách chiếm tỷ trọng chủ yếu.

2. Tạo môi trường cạnh tranh thực sự hơn nữa trong hoạt động tín dụng ở nông thôn, thu hút nhiều loại hình TCTD đều cho vay. Chính sửa cơ chế điều hành lãi suất cơ bản để lãi suất cho vay nông nghiệp và nông thôn được giảm thấp hơn nữa. NHNN thực hiện cơ chế điều hành lãi suất cơ bản, đó là một hướng đổi mới quan trọng, nhưng để cho lãi suất cho vay của TCTD đối với hộ nông dân lên cao tới 1 - 1,2%/tháng, gấp đôi so với lãi suất cho vay ở thành thị, rõ ràng là bất hợp lý từ góc độ người vay, vì sản xuất nông nghiệp lợi nhuận thấp, rủi ro cao, cần được ưu tiên. Do đó, cần có cơ chế điều chỉnh giảm lãi suất cho vay nông nghiệp và nông thôn.

Có cơ chế xử lý rủi ro tín dụng của nhà nước bình đẳng đối với tất cả các loại hình TCTD hoạt động ở nông thôn và cho vay nông nghiệp, khi người vay bị rủi ro bất khả kháng; có quy chế để TCTD đáp ứng ngay tức thời nhu cầu vốn sau thiên tai của người vay. Giảm thuế cho các TCTD cho vay nông nghiệp nông thôn.

3. Đẩy nhanh tiến độ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lâu dài cho hộ nông dân, tạo điều kiện cho ngân hàng hoàn thiện thủ tục trên mức vay không phải thế chấp tài sản. Hiện nay tỷ lệ hộ nông dân đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lâu dài đạt rất thấp; do đó, các hộ thông thường vay trên 10 triệu đồng, hộ làm kinh tế trang trại vay trên 20 triệu đồng và hộ nuôi trồng giống thủy sản từ 50 triệu đồng trở lên khó được đáp ứng, vì không có tài sản bảo đảm tiền vay theo quy định của Luật các TCTD và thông lệ quốc tế, đảm bảo an toàn cho các ngân hàng.

4. Cải tiến quy trình cho vay và thủ tục cho vay vốn ở nông thôn: Một bộ hồ sơ cho vay cần tới gần 10 con dấu và chữ ký, với công việc làm lập đi, lập lại vừa tốn kém thời gian và đi lại cho người đi vay và cho cả ngân hàng là hoàn toàn bất hợp lý càng tạo thêm áp lực quá tải cho các hộ tín dụng. Cần rà soát lại những hồ sơ để hoàn thiện, giảm bớt nó đi. Việc phòng chống rủi ro của ngân hàng không phải là ở hồ sơ, mà là ở việc

giám sát và kiểm tra.

5. Chính sửa một số quy định pháp lý dưới Luật NHNN VN và Luật các TCTD, tăng tính tự chủ cho các TCTD, chủ động quy định trường hợp người vay không phải thế chấp tài sản, chủ động tăng biên chế, mở rộng mạng lưới cho vay. Chính sửa một số quy định về quản trị và điều hành của mỗi NHTM; cơ chế tài chính, quyền phán quyết, lương và thu nhập, thì điều chuyển vốn.

6. Chính phủ cần có cơ chế xử lý ngay các khoản tài chính cho các chương trình cho vay theo chỉ định của chính phủ như: đánh bắt xa bờ, khắc phục cơn bão số 5 (1997), số 4 (1998), thiên tai (1999), giảm lãi suất cho vay vùng II, vùng III, cho vay tôn nền nhà và làm nhà trên cọc ở Đồng bằng sông Cửu Long, chương trình mía đường, các khoản khoan nợ khác; cấp bù nguồn tài chính cho Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn VN; đảm bảo sự lành mạnh tài chính cho ngân hàng này; đồng thời, giải ngân sớm khoản vay của WB cấp bổ sung vốn điều lệ cho Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn VN, tăng tiềm lực tài chính cho ngân hàng này.

7. Phát triển thị trường tiêu thụ hướng về xuất khẩu các sản phẩm chế biến: Khoảng 80% dân số nước ta là thuộc về lĩnh vực nông nghiệp và nông thôn, nên rõ ràng là một nền nông nghiệp nếu chỉ quanh quẩn tiêu thụ trong nước thì khó phát triển được. Chiến lược phát triển nông nghiệp và nông thôn đã xác định là phải hướng về xuất khẩu. Trong những năm đổi mới vừa qua, các mặt hàng xuất khẩu nông lâm thủy hải sản của VN có thứ hạng trên thế giới: gạo, cà phê, cao su, hạt điều, hồ tiêu, hải sản... đã đem về nguồn thu ngoại tệ lớn cho đất nước, giảm thâm hụt cán cân vãng lai, có vai trò rất lớn của nguồn vốn tín dụng ngân hàng và thu hút một khối lượng vốn cho vay rất lớn. Nhưng VN mới tham gia thị trường thế giới chưa có kinh nghiệm cả về kinh doanh lẫn thanh toán L/C, các mặt hàng chủ yếu là thô, chưa qua chế biến hay chỉ là sơ chế. Nông sản là mặt hàng có biến động lớn nhất trên thị trường hàng hóa của thế giới; giá cả thường xuyên biến động. Sản xuất trong nước cũng chủ yếu là hộ nông dân phân tán, quy mô nhỏ, giống có chất lượng không cao, chủng loại đơn điệu, trình độ canh tác và trình độ bảo quản sản phẩm chưa tiên tiến, còn bị lệ thuộc nhiều vào thiên nhiên. Do đó, lĩnh vực này dễ bị tổn thương, gặp nhiều rủi ro cho người sản xuất lẫn người kinh doanh, kéo theo các ngân hàng đầu tư, cho vay, thanh toán cũng gặp rủi ro, bị động vốn nhiều khi lên tới hàng

nghìn, hàng chục nghìn tỷ đồng, như: cà phê, cao su, lúa, gạo... Do đó, cần:

+ Kiên định mục tiêu phát triển nền nông nghiệp và kinh tế nông thôn hướng về xuất khẩu, không phát triển tràn lan một loại cây trồng, vật nuôi nào; mà chỉ phát triển trên những vùng có điều kiện tự nhiên, kinh tế - xã hội phù hợp theo quy hoạch; phát triển một nền nông nghiệp đa dạng, có cơ cấu nông lâm thủy hải sản phong phú cho xuất khẩu.

+ Phát triển công nghiệp chế biến theo hai hướng: thu hút dự án đầu tư nước ngoài, liên doanh với nước ngoài và trong nước tự đầu tư; nhưng phải kiểm soát chặt chẽ công nghệ thiết bị nhập khẩu, hạ thấp chi phí đầu tư, tránh để tình trạng như các nhà máy mía đường... thời gian qua.

+ Nâng cao vai trò của nhà nước trong việc giúp đỡ doanh nghiệp chế biến và xuất khẩu mặt hàng nông lâm thủy hải sản mở rộng thị trường xuất khẩu như: vai trò tham tán thương mại VN tại các nước, hỗ trợ kinh phí tham gia hội chợ triển lãm quốc tế, ưu đãi phí khai thác thông tin... Chính phủ kiên định mục tiêu bảo hộ thị trường trong nước, ví dụ như: nhất quán không cho nhập khẩu đường, cho dù giá cả trong nước tăng cao nhưng lợi cho người sản xuất và người chế biến; không cho phép nhập khẩu hoa quả, nhập khẩu muối, xi măng...

- Đẩy mạnh cải cách doanh nghiệp nhà nước nói chung; chính phủ hay các tổng công ty nhà nước đầu tư một số dự án, công trình trọng điểm, xây dựng nhà máy có khả năng thu hút số lượng lớn lao động ở nông thôn, như: sản xuất vật liệu xây dựng, dệt may...

- Hướng các dự án ODA, các dự án của các tổ chức tài chính - tiền tệ quốc tế WB, ADB... đầu tư về nông thôn, cũng như cải thiện các điều kiện mọi mặt ở nông thôn, nhất là lĩnh vực hạ tầng, giao thông, điện nước y tế, trường học...

8. Mở rộng tín dụng cho người nghèo:

VN có riêng một TCTD chuyên phục vụ người nghèo: ngân hàng phục vụ người nghèo, đó là một ưu việt. Sau hơn 5 năm đi vào hoạt động, ngân hàng này đã có doanh số cho vay gần 10.000 tỷ đồng, với hàng triệu lượt hộ nghèo được vay. Hiện nay đang có trên 2,0 triệu hộ nghèo dư nợ trên 5.300 tỷ đồng vốn vay. Đây là con số có ý nghĩa rất quan trọng.

Cùng với quá trình phát triển và thay đổi bộ mặt nông nghiệp và nông thôn, cùng với sự tác động của nguồn vốn tín dụng ngân hàng, tình hình nghèo đói đã có chuyển động. Song

nhìn chung, tình hình nghèo đói ở VN nói chung, ở nông thôn nói riêng chưa có chuyển biến đáng kể;

- Nghèo đói tương đối so với mức tăng thu nhập chung và sự nâng cao mức sống chung của toàn xã hội.

- Nhiều hộ trung bình hoặc khá hoặc hộ đã thoát nghèo nhưng một khi gặp rủi ro nhỏ: thiên tai, dịch bệnh, mất mùa, một thành viên gia đình đau ốm... thì bị rơi vào nghèo đói hoặc tái nghèo. Do đó cần:

+ Tranh thủ giúp đỡ quốc tế về lĩnh vực này, trực tiếp là các nguồn tín dụng.

+ Tăng thêm nguồn vốn vay cho ngân hàng phục vụ người nghèo hiện nay và ngân hàng chính sách sau này; bởi vì nguồn vốn cho vay không thể huy động bình thường trong xã hội. Trên cơ sở đó nâng mức cho hộ nghèo vay lên phổ biến là 4 - 5 triệu đồng so với mức bình quân 2 - 3 triệu đồng hiện nay.

+ Nâng cao trách nhiệm của chính quyền địa phương, ban đại diện xóa đói giảm nghèo ở cơ sở; các đoàn thể: hội phụ nữ, hội nông dân... trong việc giải ngân, giúp đỡ hộ nghèo sử dụng vốn vay có hiệu quả.

+ Mở rộng vốn tín dụng cho hộ nghèo đi liền với mở rộng và nâng cao hiệu quả của hoạt động khuyến nông.

+ Thúc đẩy và tạo điều kiện cho các tổ chức tài chính vi mô mở rộng hoạt động tín dụng ở nông thôn.

+ Sử dụng nguồn tài chính ngân sách nhà nước sẵn sàng xóa nợ vốn cho các hộ nghèo gặp rủi ro bất khả kháng: thiên tai, dịch bệnh, mất mùa, ốm đau, thị trường... thực hiện chính sách ưu đãi trực tiếp cho người sản xuất, không nên qua khâu trung gian là các công ty thu mua, biên chế.

Một bài học kinh nghiệm chung đã được Hội nghị về chống đói nghèo diễn ra cách đây một vài năm tại Washington đó là tăng khả năng tiếp cận dịch vụ tài chính chính thức cho người nghèo. Do đó cần thực hiện các giải pháp tổng thể mở rộng tín dụng cho người nghèo.

Phù hợp với xu thế phát triển nền kinh tế thị trường, hiện nay cung về vốn luôn có xu hướng lớn hơn cầu nguồn vốn cho vay của hệ thống ngân hàng sẵn sàng đáp ứng đủ nhu cầu nếu đáp ứng được các điều kiện vay. Nên cần tập trung phát triển thị trường tiêu thụ của nông nghiệp và nông thôn. Nhưng bản thân người nông dân không tự tìm kiếm được thị trường rộng mở cho mình, đòi hỏi cần có vai trò quan trọng của nhà nước, có thể vốn tín dụng ngân hàng mới mở rộng được ■